

ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI CHIM Ở QUẬN HOÀN KIẾM VÀ QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Lâm Hùng Sơn^{1*}, Trịnh Thị Nga², Vương Thu Phương³, Nguyễn Thanh Văn¹

TÓM TẮT

Quá trình phát triển của thành phố Hà Nội gắn liền với sự thay đổi về cảnh quan sinh thái dưới áp lực của sự gia tăng mật độ dân số và tốc độ xây dựng. Với vị trí địa lý nằm về phía Tây Bắc của trung tâm vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, Hà Nội cũng là nơi di cư trú đông và di cư qua của nhiều loài chim hoang dã. Nghiên cứu trong năm 2020 và 2021 ở hai quận nội thành của Hà Nội, sử dụng phương pháp điều tra tuyến và điều tra theo điểm đã ghi nhận được ở quận Hoàn Kiếm có 42 loài thuộc 31 giống, 22 họ, bộ, ở quận Tây Hồ có 71 loài thuộc 57 giống, 34 họ, 12 bộ. Có 31 loài ghi nhận được cả ở hai quận trên tổng số 82 loài ghi nhận được. Nghiên cứu đã xác định có 48 loài chim định cư, 35 loài di cư. Loài Rỗng rộc (*Ploceus philippinus*) lần đầu tiên được ghi nhận ở khu vực Hà Nội. Sự đa dạng thành phần loài chim, đặc biệt là các loài di cư cũng như sinh cảnh sống của chúng là điểm cần chú ý trong quá trình quy hoạch phát triển thành phố Hà Nội để bảo tồn đa dạng sinh học cũng như đáp ứng sự phát triển bền vững của thành phố.

Từ khóa: Chim, đa dạng loài, ghi nhận mới, Hoàn Kiếm, Tây Hồ, Hà Nội.

1. MỞ ĐẦU

Chim (Aves) là lớp động vật rất đa dạng và phong phú. Số lượng chim trên thế giới dao động từ 10.033 đến 10.989 loài tùy theo quan điểm phân loại sử dụng trong các Danh lục chim thế giới [1]. Nằm trong vùng địa lý động vật Phương Đông, Việt Nam là một quốc gia có sự đa dạng về các loài chim với nhiều loài đặc hữu. Số loài chim ghi nhận ở Việt Nam tăng dần qua nỗ lực điều tra nghiên cứu, từ 828 loài (1995) [2] lên 887 loài (2011) [3], 916 loài (2018) [4], 918 loài (2020) [5]. Quá trình đô thị hóa, đặc biệt là ở các thành phố lớn đang tác động mạnh mẽ đến sự đa dạng và sinh tồn của nhiều quần thể chim định cư và di cư. Theo Bộ Xây dựng, đến cuối năm 2020 tỉ lệ đô thị hóa ở Việt Nam ước đạt 40% với 826 đô thị (so với năm 2015 là 787 đô thị) [6]. Sau khi được mở rộng vào năm 2008, cho đến nay diện tích Hà Nội đã tăng lên 3.358,6 km² với 12 quận, 17 huyện và 1 thị xã. Dân số Hà Nội năm 2019 là 8.093.900 người, trong đó dân số thành thị chiếm 49,4%, dân số nông thôn chiếm 50,6%, mật độ dân số trung bình là 2.410 người/km² [7]. Năm 2021, dự kiến thành phố Hà Nội sẽ xây dựng quy hoạch phát triển thành phố ở hai bên bờ sông Hồng với chiều dài 40 km trải dài qua 13 quận huyện trong đó đi qua 4 quận trung tâm của

thành phố. Quận Hoàn Kiếm và quận Tây Hồ là hai quận trung tâm của thành phố Hà Nội, vừa có sự tương đồng về sinh cảnh (hồ, đất ngoài đê ven sông Hồng, mức độ đô thị hóa), vừa nằm trong quy hoạch phát triển thành phố hai bên bờ sông Hồng. Quận Hoàn Kiếm là quận có diện tích nhỏ nhất của Hà Nội với 5,29 km² bao gồm 16 phường phố cổ, phố cũ và 2 phường ngoài đê sông Hồng. Mật độ dân số 39.830 người/km² (2020). Khu vực trung tâm quận có hồ Hoàn Kiếm với diện tích khoảng 12 ha. Khu vực xung quanh hồ và nhiều con đường trong quận có hệ thống cây xanh bóng mát cổ thụ khép tán dày. Khu vực ngoài đê sông Hồng, ngoài khu vực dân cư còn gồm 75,43 ha diện tích mặt nước sông Hồng và diện tích cây bụi, cây trồng ven sông, bãi bồi trên sông [8]. Quận Tây Hồ là quận được thành lập từ năm 1995 trên cơ sở sắp xếp lại một số đơn vị hành chính của quận Ba Đình và huyện Từ Liêm trước đây. Quận có diện tích 24,01 km² với 8 phường. Mật độ dân cư thấp nhất trong các quận ở trung tâm với 7.130 người/km² (2019) do trong quận có diện tích mặt nước lớn với 525,37 ha mặt nước hồ Tây và 4,43 ha mặt nước hồ nhỏ khác. Ngoài ra quận cũng có diện tích lớn ở phía ngoài đê sông Hồng. Diện tích trồng hoa, cây cảnh truyền thống bị thu hẹp với sự phát triển của 5 khu đô thị lớn đã và đang được xây dựng [9]. Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiện trạng đa dạng thành phần loài chim trước sức ép đô thị hóa ở hai quận trung tâm thành phố Hà Nội. Đây là cơ sở khoa học để đề xuất giải pháp trong quá trình quy

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

*Email: sonnlh@hnue.edu.vn

²Học viên Cao học K29, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

³ Nghiên cứu sinh K36, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

hoạch phát triển không gian cảnh quan đô thị hướng tới một thành phố sinh thái, con người sống hài hòa với thiên nhiên.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm nghiên cứu

Trong khu vực quận Hoàn Kiếm, tiến hành điều tra xung quanh khu vực hồ Hoàn Kiếm, Đền Ngọc Sơn, Vườn hoa Lý Thái Tổ, Vườn hoa Con Cóc. Các tuyến phố chính như: Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Hai Bà Trưng, Tràng Thi, Hàng Bài, Lý Thái Tổ, Lê Thánh Tông cũng như một số phố cổ. Khu vực ngoài đê sông Hồng, tiến hành điều tra ở khu vực phường Phúc Tân dọc ven sông Hồng đến chân cầu Long Biên. Trong khu vực quận Tây Hồ, tiến hành điều tra theo đường ven hồ Tây bao gồm các điểm Chùa Trấn Quốc, Vườn hoa Lý Tự Trọng, Trường THPT Chu Văn An, Công viên nước Hồ Tây, thung lũng hoa Hồ Tây. Điều tra theo các tuyến đường nội khu trong Khu đô thị Ciputra và ngõ 264 Âu Cơ dẫn vào Vườn hoa Bãi đá sông Hồng.

2.2. Thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 11/2020 đến tháng 4/2021 với 6 đợt thực địa.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Bảng 1. Thành phần loài chim ghi nhận được ở khu vực quận Hoàn Kiếm và Tây Hồ, thành phố Hà Nội trong năm 2020 - 2021

TT	Tên phổ thông, tên tiếng Anh	Tên khoa học	Địa điểm ghi nhận		Hiện trạng	Nguồn tư liệu
			TH	HK		
	I. BỘ GÀ	GALLIFORMES				
	1. Họ Trĩ	Phasianidea				
1	Cay Trung Quốc Blue-breasted Quail	<i>Excalfactoria chinensis</i> (Linnaeus, 1766)	+		R	A
	II. BỘ CHIM LẶN	PODICIPEDIFORMES				
	2. Họ Chim lặn	Podicipedidae				
2	Le hôi Little Grebe	<i>Tachybaptus ruficollis</i> (Pallas, 1764)	+		R	QS
	III. BỘ BỎ CẦU	COLUMBIFORMES				
	3. Họ Bồ câu	Columbidae				
3	Cu gáy Spotted-necked Dove	<i>Streptopelia chinensis</i> (Scopoli, 1786)	+	+	R	A
	IV. BỘ CÚ MUỐI	CAPRIMULGIFORMES				
	4. Họ Yến	Apodidea				
4	Yến cọ Asian Palm Swift	<i>Cypsiurus balasiensis</i> (Gray, 1829)		+	R	QS

Thành phần loài chim ở khu vực nghiên cứu được ghi nhận qua quan sát trực tiếp trên các tuyến và điểm điều tra có sử dụng thiết bị quan sát như ống nhòm Steiner (Đức) SkyHawk Pro 10x42, máy ảnh chụp hình siêu zoom 125X Nikon Coolpix P1000 (24 - 3000 mm). Quan sát được tiến hành từ 6h00 đến 18h00 vào các thời điểm khác nhau trong năm. Tọa độ các điểm ghi nhận chim được xác định bằng máy định vị GPS Garmin 76CSx. Sử dụng một số sách tham khảo nhận dạng nhanh các loài chim ngoài thiên nhiên như: Robson (2015) [10], Craik R. và L. Q. Minh (2018) [4]. Danh lục các loài chim ghi nhận được sắp xếp theo hệ thống Danh lục chim thế giới được giới thiệu bởi del Hoyo. J ed. (2020) [1].

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thành phần loài chim

Kết quả điều tra trong năm 2020 và 2021 đã ghi nhận ở khu vực hai quận Hoàn Kiếm và Tây Hồ, thành phố Hà Nội có 82 loài chim thuộc 57 giống, 35 họ, 13 bộ (Bảng 1). Trong đó, 60 loài đã được chụp hình, các loài còn lại được quan sát trực tiếp hoặc nhận dạng qua tiếng kêu, tiếng hót đặc trưng của loài.

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

TT	Tên phổ thông, tên tiếng Anh	Tên khoa học	Địa điểm ghi nhận		Hiện trạng	Nguồn tư liệu
			TH	HK		
	V. BỘ CU CU	CUCULIFORMES				
	5. Họ Cu cu	Cuculidae				
5	Tìm vịt Paintive Cuckoo	<i>Cacomantis merulinus</i> (Scopoli, 1786)	+	+	R	A
6	Tu hú Asian Koel	<i>Eudynamis scolopacea</i> (Linnaeus, 1758)		+	Pm	A
7	Bìm bịp lớn Greater Coucal	<i>Centropus sinensis</i> (Stephens, 1815)	+	+	R	A
	VI. BỘ SẾU	GRUIFORMES				
	6. Họ Gà nước	Rallidae				
8	Cước ngực trắng White-breasted Waterhen	<i>Amaurornis phoenicurus</i> Pennant, 1769	+	+	R	A
	VII. BỘ BỎ NÔNG	PELECANIFORMES				
	7. Họ Diệc	Ardeidae				
9	Cò lùn hung Cinnamon Bittern	<i>Ixobrychus cinnamomeus</i> (J. F. Gmelin, 1789)	+		R	QS
10	Cò lùn vàng Yellow bittern	<i>Ixobrychus sinensis</i> (Gmelin, 1789)	+		R	A
11	Cò hương Black Bittern	<i>Ixobrychus flavicollis</i> (Latham, 1790)	+		Bm	QS
12	Cò trắng Little Egret	<i>Egretta garzetta</i> (Linnaeus, 1766)	+	+	Wm	A
13	Cò xanh Striated Heron	<i>Butorides striata</i> (Linnaeus, 1758)	+	+	R	A
14	Vạc Black-crowned Night Heron	<i>Nycticorax nycticorax</i> (Linnaeus, 1758)	+	+	R	A
15	Cò bọ Chinese-pond heron	<i>Ardeola bacchus</i> (Bonaparte, 1855)	+	+	R	A
	VIII. BỘ RỄ	CHARADRIIFORMES				
	8. Họ Chối	Charadriidae				
16	Chối vành mắt nhỏ Little Ringed Plover	<i>Charadrius dubius</i> (Scopoli, 1786)	+		R, Wm	A
17	Chối mỏ dài Long-billed Plover	<i>Charadrius placidus</i> (Gray & Gray, 1863)	+		Wm	A
18	Chối khoang cổ Kentish Plover	<i>Charadrius alexandrinus</i> Linnaeus, 1758	+		Wm, Pm	A
	9. Họ Rẽ	Scolopacidae				
19	Choắt nhỏ Common Sandpiper	<i>Actitis hypoleucos</i> (Linnaeus, 1758)	+		Wm	A
20	Rẽ lưng đen Temminck's Stint	<i>Calidris temminckii</i> (Leisler, 1812)	+		Wm	A
	10. Họ Dô nách	Glareolidae				

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

TT	Tên phổ thông, tên tiếng Anh	Tên khoa học	Địa điểm ghi nhận		Hiện trạng	Nguồn tư liệu
			TH	HK		
21	Dô nách xám Small Pratincole	<i>Glareola lactea</i> (Temminck, 1820)	+		Bm	A
	IX. BỘ ƯNG	ACCIPITRIFORMES				
	11. Họ Ưng	Accipitridae				
22	Diều trắng Black-shouldered Kite	<i>Elanus caeruleus</i> (Desfontaines, 1789)	+		R	A
	X. BỘ SÀ	CORACIIFORMES				
	12. Họ Bói cá	Alcedinidae				
23	Sà đầu nâu White - throated Kingfisher	<i>Halcyon smyrnensis</i> (Linnaeus, 1758)	+		R	QS
24	Bông chanh Common Kingfisher	<i>Alcedo atthis</i> (Linnaeus, 1758)	+	+	R	A
25	Bói cá nhỏ Pied Kingfisher	<i>Ceryle rudis</i> (Linnaeus, 1758)	+	+	R	A
	XI. BỘ GỖ KIẾN	PICIFORMES				
	13. Họ Gỗ kiến	Picidae				
26	Vẹo cổ Eurasian Wryneck	<i>Jynx torquilla</i> (Linnaeus, 1758)	+		Wm	A
	XII. BỘ CẮT	FALCONIFORMES				
	14. Họ Cắt	Falconidae				
27	Cắt lưng hung Common Kestrel	<i>Falco tinnunculus</i> (Linnaeus, 1758)	+		R	QS
28	Cắt lớn Peregrine Falcon	<i>Falco peregrinus</i> (Tunstall, 1771)	+		R	QS
	XIII. BỘ SẼ	PASSERIFORMES				
	15. Họ Phuong Chèo	Campephagidae				
29	Phuong chèo xám Black-winged Cuckooshrike	<i>Lalage melaschistos</i> (Hodgson, 1836)	+		R, Pm	QS
	16. Họ Bạc má	Aegithalidae				
30	Bạc má Japanese Tit	<i>Parus major</i> (Linnaeus, 1758)	+	+	R	A
	17. Họ Rẻ quạt	Rhipiduridae				
31	Rẻ quạt họng trắng White-throated Fantail	<i>Rhipidura albicollis</i> (Vieillot, 1818)	+	+	R	A
	18. Họ Chèo bẻo	Dicruridae				
32	Chèo bẻo đen Black Drongo	<i>Dicrurus macrocercus</i> (Vieillot, 1817)	+		R	A
33	Chèo bẻo xám Ashy Drongo	<i>Dicrurus leucophaeus</i> (Vieillot, 1817)	+		R,Pm	A
	19. Họ Bách thanh	Lanidae				
34	Bách thanh nâu	<i>Lanius cristatus</i>	+	+	Wm	A

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

TT	Tên phổ thông, tên tiếng Anh	Tên khoa học	Địa điểm ghi nhận		Hiện trạng	Nguồn tư liệu
			TH	HK		
	Brown Shrike	(Linnaeus, 1758)				
35	Bách thanh đuôi dài Long-tailed Shrike	<i>Lanius schach</i> (Linnaeus, 1758)	+	+	R, Pm	A
36	Bách thanh nhỏ Burmese Shrike	<i>Lanius collurio</i> (Lesson, 1834)	+		Pm	A
37	Bách thanh lưng xám Grey-backed Shrike	<i>Lanius tephronotus</i> (Vigors, 1831)	+		Wm	A
38	Bách thanh vằn Tiger Shrike	<i>Lanius tigrinus</i> (Drapiez, 1828)	+		Pm	QS
	20. Họ Chiền chiện	Cisticolidae				
39	Chiền chiện bụng hung Plain Prinia	<i>Prinia inornata</i> (Sykes, 1832)	+	+	R	A
40	Chiền chiện bụng vàng Yellow-bellied Prinia	<i>Prinia flaviventris</i> (Delessert, 1840)	+	+	R	A
41	Chiền chiện đồng hung Fan-tailed Cisticola	<i>Cisticola juncidis</i> (Rafinesque, 1810)	+		R	A
42	Chích bông đuôi dài Common Tailorbird	<i>Orthotomus sutorius</i> (Pennant, 1769)	+	+	R	A
43	Chích bông cánh vàng Dark-necked Tailorbird	<i>Orthotomus atrogularis</i> (Temminck, 1836)		+	R	QS
	21. Họ Chích	Acrocephalidae				
44	Chích mỏ rộng Thick-billed Warbler	<i>Arundinax aedon</i> (Pallas, 1776)		+	Wm	QS
45	Chích phương đông Oriental Reed Warbler	<i>Acrocephalus orientalis</i> (Temminck & Schlegel, 1847)	+		Wm	QS
	22. Họ Nhạn	Hirundinidae				
46	Nhạn nâu đỏ á châu Gray throated Martin	<i>Delichon dasypus</i> (Bonaparte, 1850)	+		Pm	A
47	Nhạn bụng trắng Barn Swallow	<i>Hirundo rustica</i> (Linnaeus, 1758)	+	+	R, Wm	QS
48	Nhạn bụng xám Red-rumped Swallow	<i>Hirundo daurica</i> (Linnaeus, 1771)	+		Pm	QS
	23. Họ Chào mào	Pycnonotidae				
49	Chào mào Red-whiskered Bulbul	<i>Pycnonotus jocosus</i> (Linnaeus, 1758)	+	+	R	A
50	Bông lau Trung Quốc Light-vented Bulbul	<i>Pycnonotus sinensis</i> (Gmelin, 1789)	+	+	R, Wm	A
51	Bông lau tai trắng Sooty-headed Bulbul	<i>Pycnonotus aurigaster</i> (Vieillot, 1818)	+	+	R	A
52	Cành cách núi Mountain Bulbul	<i>Hypsipetes mcclllandii</i> (Horsfield, 1840)	+		R	QS

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

TT	Tên phổ thông, tên tiếng Anh	Tên khoa học	Địa điểm ghi nhận		Hiện trạng	Nguồn tư liệu
			TH	HK		
	24. Họ Chích phylo	Phylloscopidae				
53	Chim chích nâu Dusky Warbler	<i>Phylloscopus fuscatus</i> (Blyth, 1842)	+		Pm	A
54	Chích davison Davison's Leaf Warbler	<i>Phylloscopus intensior</i> <i>Deignan, 1956</i>		+	R	A
55	Chích mày lớn Yellow-browed Warbler	<i>Phylloscopus inornatus</i> (Blyth, 1842)		+	Wm, Pm	A
56	Chích đớp ruồi đầu xám Bianchi's Warbler	<i>Phylloscopus valentini</i> (E. Hartert, 1907)		+	Wm	QS
57	Chích bụng trắng Radde's Warbler	<i>Phylloscopus schwarzi</i> (Radde, 1863)		+	Wm, Pm	QS
	25. Họ Vành khuyên	Zosteropidae				
58	Vành khuyên Trung Quốc Swinhoe White-eye	<i>Zosterops simplex</i> (Swinhoe, 1861)	+	+	R, Wm	A
	26. Họ Sáo	Sturnidae				
59	Sáo đá Trung Quốc White-shouldered Starling	<i>Sturnia sinensis</i> (Gmelin, 1788)	+		R, Pm	QS
60	Sáo đá đầu trắng Red-billed Starling	<i>Spodiopsar sericeus</i> (Gmelin, 1788)	+	+	Wm	A
61	Sáo nâu Common Myna	<i>Acridotheres tristis</i> <i>(Linnaeus, 1766)</i>		+	R	QS
	27. Họ Hoét	Turdidae				
62	Hoét bụng trắng Japanese Thrush	<i>Turdus cardis</i> (Temminck, 1831)		+	Pm	A
63	Hoét đen Chinese Blackbird	<i>Turdus mandarinus</i> (Bonaparte, 1850)	+	+	Wm	A
64	Hoét xanh Blue Whistling Thrush	<i>Myophonus caeruleus</i> (Scopoli, 1786)	+		Wm	QS
	28. Họ Đớp ruồi	Muscicapidae				
65	Oanh cổ đỏ Siberian Rubythroat	<i>Calliope calliope</i> (Pallas, 1776)	+		Pm	QS
66	Chích chòe Oriental Magpie-Robin	<i>Copsychus saularis</i> (Linnaeus, 1758)	+	+	R	A
67	Sẻ bụi đầu đen Tibetan Stonechat	<i>Saxicola torquatus</i> (Linnaeus, 1766)	+	+	R	A
68	Sẻ bụi xám Grey Bushchat	<i>Saxicola ferreus</i> (Gray, 1846)	+		Wm	A
69	Đớp ruồi nâu Asian Brown Flycatcher	<i>Muscicapa dauurica</i> (Pallas, 1811)	+		Wm	QS
	29. Họ Hút mật	Nectariniidae				
70	Hút mật họng tím Olive-backed Sunbird	<i>Cinnyris jugularis</i> (Linnaeus, 17)	+		R	A

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

TT	Tên phổ thông, tên tiếng Anh	Tên khoa học	Địa điểm ghi nhận		Hiện trạng	Nguồn tư liệu
			TH	HK		
	30. Họ Chim di	Estrildidae				
71	Di đá Scaly-breasted Munia	<i>Lonchura punctulata</i> (Linnaeus, 1758)	+	+	R	A
72	Di cam White-rumped Munia	<i>Lonchura striata</i> (Linnaeus, 1766)	+	+	R	A
	31. Họ Sẻ	Passeridae				
73	Sẻ Eurasian Tree Sparrow	<i>Passer montanus</i> (Linnaeus, 1758)	+	+	R	A
74	Rồng rộc * Baya Weaver	<i>Ploceus philippinus</i> (Linnaeus, 1766)	+		Pm	A
	32. Họ Chia vôi	Motacillidae				
75	Chia vôi đầu vàng Citrine Wagtail	<i>Motacilla citreola</i> (Pallas, 1776)		+	Wm	A
76	Chia vôi trắng White Wagtail	<i>Motacilla alba</i> (Linnaeus, 1758)	+	+	Wm	A
77	Chim manh Paddyfield Pipit	<i>Anthus rufulus</i> (Vieillot, 1818)	+	+	R	A
78	Chim manh Vân Nam Olive-backed Pipit	<i>Anthus hodgsoni</i> (Richmond, 1907)	+		Pm	A
79	Chim manh lớn Richard's Pipit	<i>Anthus richardi</i> (Vieillot, 1818)	+		Wm, Pm	A
	32. Họ Sẻ thông	Fringillidae				
80	Sẻ thông Trung Quốc Oriental Greenfinch	<i>Chloris sinica</i> (Lineaus, 1766)	+		R	A
	34. Họ Sẻ đồng	Emberizidae				
81	Sẻ đồng xám Reed Bunting	<i>Emberiza schoeniclus</i> (Linnaeus, 1758)	+		Va	A
82	Sẻ đồng mặt đen Black-faced Bunting	<i>Emberiza spodocephala</i> (Pallas, 1776)	+		Wm	A

Ghi chú: TH. Quận Tây Hồ; HK. Quận Hoàn Kiếm; R. Định cư; Pm. Di cư qua; Wm. Trú đông; Bm. Di cư sinh sản; Va. Lang thang; QS. Quan sát; K. Tiếng kêu; A. Chụp ảnh; +. Ghi nhận được. *. Loài ghi nhận mới cho Hà Nội.

3.2. Đa dạng thành phần loài

Trong hệ thống phân loại chim thế giới sử dụng trong nghiên cứu này, có một số thay đổi so với hệ thống thường dùng trước đây. Cụ thể họ Yến (Apodidae) được xếp trong bộ Cú muỗi (Caprimulgiformes), họ Diệc (Ardeidae) xếp trong bộ Bồ nông (Pelecaniformes). Vị trí phân loại của một số loài cũng được cập nhật. Ví dụ loài vành khuyên Trung Quốc (*Zosterops simplex*) trước đây chỉ coi là phân loài của loài vành khuyên Nhật Bản (*Z. japonicus*). Nay, phân loài này đã được tách ra là

một loài riêng [11]. Trong số 82 loài chim ghi nhận ở hai quận trung tâm của Hà Nội, có 39 loài là loài định cư, 34 loài là loài di cư qua, di cư sinh sản hay trú đông, 1 loài là loài lang thang. Ngoài ra có 4 loài vừa có chủng quần định cư và di cư. Một số loài chủng quần di cư và định cư là các phân loài khác nhau. Ví dụ như loài bông lau Trung Quốc (*Pycnonotus sinensis*). Phân loài *P.s. hainanus* là định cư còn phân loài *P.s. sinensis* là loài trú đông. Tương tự như vậy, loài chào bèo xám (*Dicrurus leucophaeus*), phân loài *D.l. hopwoodi* là định cư còn phân loài *D.l.*

salangensis là di cư qua. Các loài định cư bao gồm nhiều loài thường gặp gần gũi với con người trong thành phố chủ yếu nằm trong bộ Sẻ (Passeriformes) như sẻ, chào mào, chích bông đuôi dài, bạc má, vành khuyên Trung Quốc, chích chòe, nhạn bụng trắng, rẻ quạt họng trắng, cu gáy, tìm vẹt. Một số loài chim định cư khác ghi nhận ở các sinh cảnh đặc trưng như ao hồ, sinh cảnh ven sông, bãi bồi, trồng trọt canh tác nông nghiệp như: cay Trung Quốc, bìm bịp lớn, cuốc ngực trắng, diều trắng, bông chanh, bó cá nhỏ, chiến chiến bụng hung, chiến chiến bụng vàng, bông lau tai trắng, sẻ bụi đầu đen, di đà, di cam, sẻ thông Trung Quốc. Đặc biệt ở khu vực đất ngập nước ghi nhận được nhiều loài chim nước định cư như le hôi, cò lùn hung, cò lùn vàng, cò xanh, vạc, cò bọ. Nhiều loài chim di cư cũng ghi nhận ở khu vực trung tâm các quận trong các công viên, vườn hoa như bách thanh nâu, bách thanh đuôi dài, vành khuyên Trung Quốc, hoét đen, đớp ruồi nâu, chia vôi trắng. Tuy nhiên, sinh cảnh cây gỗ nhỏ, cây bụi, đất canh tác nông nghiệp ven sông Hồng và khu vực bãi bồi vẫn là nơi bắt gặp nhiều loài chim di cư thuộc các họ Chó chái (Charadriidae), họ Rẻ (Scolopacidae), họ Dò

nách (Glareolidae), họ Chích (Acrocephalidae), họ Chích phylo (Phylloscopidae), họ Sáo (Sturnidae), họ Đớp ruồi (Muscicapidae), họ Chia vôi (Motacillidae) và họ Sẻ đồng (Emberizidae).

Trong khi quận Hoàn Kiếm chỉ có hồ trung tâm là hồ Hoàn Kiếm thì ở quận Tây Hồ, diện tích mặt hồ chiếm diện tích phần lớn của quận với hồ Tây và các hồ, đầm liền kề. Cả hai quận cùng có diện tích đất ven sông Hồng và bãi bồi trên sông, nhưng ở quận Tây Hồ diện tích đất ven sông được sử dụng để trồng hoa, cây cảnh và các khu du lịch sinh thái như Bãi đá sông Hồng chiếm diện tích nhiều hơn so với quận Hoàn Kiếm. Chính vì vậy, số loài chim ghi nhận ở quận Tây Hồ (71 loài) nhiều hơn so với quận Hoàn Kiếm (42 loài). Sự tồn tại các sinh cảnh ven sông, những khu vực chưa bị đô thị hóa đã bổ sung thêm sự đa dạng về thành phần loài chim cho cả hai quận trung tâm của thành phố Hà Nội. So với kết quả nghiên cứu thành phần loài chim ở quận Nam Từ Liêm năm 2017 [12] đã xác định được 63 loài thì khu vực quận Tây Hồ đa dạng hơn còn khu vực quận Hoàn Kiếm kém đa dạng hơn.



Hình 1. Sẻ thông Trung Quốc



Hình 2. Sẻ đồng xám



Hình 3. Sẻ đồng mặt đen



Hình 4. Rồng rộc

Trong số 34 họ chim ghi nhận được ở cả hai quận, họ Diệc (Ardeidae) đa dạng nhất về thành phần loài với 7 loài. Có 5 họ ghi nhận được tới 5 loài là họ Bách thanh (Lanidae), họ Chiền chiện (Cisticolidae), họ Chích phyllo (Phylloscopidae), họ Đớp ruồi (Muscicapidae) và họ Chia vôi (Motacillidae). Tuy nhiên, có 14 họ chỉ ghi nhận được một loài đại diện duy nhất. Họ Sẻ thông (Fringillidae) chỉ ghi nhận được 1 loài duy nhất là loài sẻ thông Trung Quốc (*Chloris sinica*) (Hình 1). Tuy nhiên, loài chim định cư này được ghi nhận số lượng đàn tập trung đông nhất lên tới cả trăm cá thể ở khu vực bãi đá sông Hồng đặc biệt là những khu vực bãi trồng hoa Hướng Dương. Với các loài chim di cư, trong khu vực trung tâm của quận Hoàn Kiếm cũng bắt gặp hàng trăm cá thể chia vôi trắng di cư trú ngụ vào chiều tối ở các hàng cây xanh đường phố. Trong nghiên cứu này, lần đầu tiên ghi nhận 1 cá thể mái loài Rồng rộc (*Ploceus philippinus*) ở khu vực Bãi đá sông Hồng vào lúc 17 giờ ngày 26/2/2021 (Hình 4). Đây là ghi nhận đầu tiên về sự phân bố của loài chim này ở Hà Nội. Loài này vốn được xác định chỉ phân bố ở các tỉnh Trung Trung bộ, Nam Trung bộ và Nam bộ. Trước đây, một loài gần gũi với loài này là loài rồng rộc đen (*Ploceus manyar*) cũng lần đầu tiên được ghi nhận làm tổ ở Hà Nội vào tháng 5/2015 bởi Lê Mạnh Hùng [13].

Trong 82 loài chim ghi nhận ở hai quận Tây Hồ và Hoàn Kiếm của thành phố Hà Nội không có loài chim nào có tên trong danh sách các loài nguy cấp, quý, hiếm. Tuy nhiên cũng nhiều loài là những loài hiếm khi ghi nhận được như loài Sẻ thông xám (*Emberiza schoeniclus*) (Hình 2), hay Sẻ đồng mặt đen (*Emberiza spodocephala*) (Hình 3). Ngoài ra việc ghi nhận được một số loài chim ăn thịt ban ngày như điều trắng, cắt lưng hung hay cắt lớn, đây được coi là các loài bảo trợ (umbrella species) thường ở trên cùng của tháp dinh dưỡng ở hệ sinh thái trên cạn. Việc xuất hiện của các loài này cho thấy sự đa dạng về thành phần loài ở các bậc dinh dưỡng phía dưới. Những dẫn liệu đầu tiên về thành phần loài chim ở 2 quận trung tâm của thành phố Hà Nội cho thấy sự đa dạng về thành phần loài với những nhóm loài đặc trưng. Sự đa dạng thành phần các loài chim ở khu vực ven sông Hồng, đặc biệt đây được coi là điểm đến của nhiều loài chim di cư, sẽ tiếp tục cần được nghiên cứu, phân tích, đánh giá để tạo cơ sở khoa học cho việc quy hoạch phát triển thành phố

Hà Nội dọc hai bên bờ sông Hồng trong đó có khu vực thuộc quận Tây Hồ và Hoàn Kiếm.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cuối năm 2020 và đầu năm 2021 ở quận Tây Hồ và quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội đã ghi nhận được 82 loài chim thuộc 57 giống, 35 họ, 13 bộ. Trong đó có 39 loài chim là loài định cư, 34 loài là loài di cư qua, di cư sinh sản hay trú đông, 1 loài là loài lang thang. Ngoài ra có 4 loài vừa có chủng quần định cư và di cư. Quận Tây Hồ ghi nhận được 71 loài đa dạng hơn so với quận Hoàn Kiếm chỉ ghi nhận được 42 loài. Ghi nhận lần đầu sự phân bố của loài Rồng rộc (*Ploceus philippinus*) ở khu vực Hà Nội. Sự đa dạng thành phần loài chim ghi nhận được ở khu vực ven sông Hồng và bãi bồi trên sông ở cả quận Tây Hồ và Hoàn Kiếm là điều cần được quan tâm để bảo tồn tính đa dạng sinh học, đặc biệt là nơi trú chân, kiếm ăn trên đường di cư của nhiều loài chim hoang dã, trong quá trình quy hoạch phát triển thành phố Hà Nội hai bên bờ sông Hồng.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được hỗ trợ kinh phí từ đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo mã số B2021-SPH-13 và sự giúp đỡ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. del Hoyo.J. ed. (2020). *All the Birds of the World*. Lynx Edicions, Barcelona.
2. Võ Quý, Nguyễn Cử (1995). *Danh lục Chim Việt Nam*. Nxb Nông nghiệp.
3. Nguyễn Lân Hùng Sơn, Nguyễn Thanh Văn (2011). *Danh lục chim Việt Nam*. Nxb Nông nghiệp.
4. Craik, R. C. & Le Quy Minh (2018). *Birds of Vietnam*. Lynx and BirdLife International Field Guider. Lynx Edicions, Barcelona.
5. Lê Mạnh Hùng (chủ biên), Bùi Đức Tiến, Nguyễn Mạnh Hiệp, Tăng A Pầu, Trần Anh Tuấn (2020). *Các loài chim Việt Nam*. Nhã Nam và Nxb Thế giới.
6. <https://www.moc.gov.vn>
7. Cục Thống kê thành phố Hà Nội (2020). *Niên giám Thống kê thành phố Hà Nội 2019*. Nxb Thống kê.
8. <http://hoankiem.hanoi.gov.vn/>
9. <https://tayho.hanoi.gov.vn/>

10. Robson Craig (2015). *Birds of South-East Asia, second edition*. Christopher Helm, Bloomsbury Publishing, London.
11. Lim, B. T. M., Sadanandan, K. R., Dingle, C., Leung, Y. Y., Prawiradilaga, D. M., Irham, M., Ashari, H., Lee, J. G. H., Rheindt, F. E. (2018). Molecular evidence suggests radical revision of species limits in the great speciator white-eye genus *Zosterops*. *Journal of Ornithology*. doi: 10.1007/s10336-018-1583-7.
12. Vương Thu Phương, Nguyễn Lâm Hùng Sơn, Bùi Thị Hằng, Quan Thị Dung (2018). Đa dạng thành phần loài chim ở quận Nam Từ Liêm, Hà Nội trong quá trình đô thị hóa. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, số 9: 124-129.
13. Robson Craig (2015). From the field. *Birding Asia*, 24: 144-148.

BIRD SPECIES DIVERSITY IN TAY HO AND HOAN KIEM DISTRICTS, HANOI CITY

Nguyen Lan Hung Son, Trinh Thi Nga, Vuong Thu Phuong, Nguyen Thanh Van

Summary

The development process of Hanoi city is associated with changes in ecological landscape under the pressure of increasing population density and construction speed. The urban ecosystem in the inner Hanoi area is outstanding with many rivers, lakes and street trees. With its geographical location to the northwest of the center of the Red river delta, Hanoi is also a place of breeding visitor, winter visitor and passage migrant of many wild birds. 82 bird species belonging to 57 genera, 35 families and 13 orders were recorded during bird survey in late 2020 and early 2021 in two urban districts of Hanoi center. Of which, 39 species of birds are resident species, 34 species are migrant species, breeding or winter visitor species, 1 species is vagrant species. In addition, there are 4 species that have both resident and migratory populations. Tay Ho district recorded 71 species more diverse than Hoan Kiem district recorded 42 species. The Baya Weaver (*Ploceus philippinus*) was first recorded in Hanoi. The diversity of bird species, especially migratory species as well as their riparian habitats, is a point to pay attention to in the process of developing Hanoi city on both of the Red river site on conserve biodiversity as well as meet the sustainable development of the city.

Keywords: Bird, diversity, species, first recorded, urban, Hanoi, Tay Ho, Hoan Kiem.

Người phản biện: TS. Nguyễn Vĩnh Thanh

Ngày nhận bài: 24/5/2021

Ngày thông qua phản biện: 24/6/2021

Ngày duyệt đăng: 01/7/2021